

*Thứ hai ngày 23 tháng 10 năm 2023*

**Hoạt động trải nghiệm**

**Sinh hoạt dưới cờ: Tuyên dương tấm gương nhi đồng chăm ngoan**

**……………………………………………**

**TiếngViệt**

**Bài 31: an ăn ân**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các *an, ăn, ân;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *an, ăn, ân* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *an, ăn, ân*; viết đúng các tiếng, từ có vần *an, ăn, ân.*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần *an, ăn, ân*.

- HS phát triển kĩ năng nói lời *xĩn lỗi ( trong tình huống cụ thể ở trường học)*.

- Phát triển cho HS kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa.

**3. Phẩm chất:**

Trách nhiệm: HS có trách nhiệm với các bạn khi tham gia làm việc trong nhóm. Có ý thức thực hiện tốt nội quy lớp học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh, vật, máy tính.

- Sách, vở, bảng con

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **1.1 Khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: + Em thấy gì trong tranh?  - GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh (Gợi ý: có 2 con vật là ngựa vẫn và hươu cao cổ. Các con vật đang tình cảm, quấn quýt bên nhau.).  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng cầu nhận biết và yêu câu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Ngựa vẫn/ và hươu cao cổ là đôi bạn thân.  - GV giới thiệu các vấn mới an, ăn, ân. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc vần, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc vần an, ăn, ân**  **- So sánh các vần**:  + GV giới thiệu vần an, ăn, ân.  + GV yêu cầu HS so sánh vần ăn, ân với an để tìm ra điểm giống và khác nhau.  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a, â,ă).  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vẫn an, ăn, ân. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần an.  + GV yêu cầu HS tháo chữ a, ghép ă vào để tạo thành ăn.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ă, ghép â vào để tạo thành ân.  .**b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng bạn. (GV: Từ các vấn đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm b ghép trước an, thêm dấu nặng dưới a xem ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bạn.  + GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng bạn (bờ an - ban nặng - bạn). Lớp đánh vấn đồng thanh tiếng bạn.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng bạn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng bạn.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng:  - GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nói tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng).  + Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng túng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vẫn lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. .  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần an, ăn hoặc ân. (GV đưa mô hình tiếng bạn, vừa nói vừa chỉ mô hình: Muốn có tiếng "bạn" chúng ta thêm chữ ghi âm b vào trước vần an và dấu nặng dưới a. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ăn hoặc vần ân vừa học! GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gi?)".  +GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được. +GV yêu cầu HS phân tích tiếng  +GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  +GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép dược.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bạn thân, khăn rằn, quả mận. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn quả mặn  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. - GV cho từ ngữ quả mận xuất hiện dưới tranh.  - GV nêu yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần ân trong quả mận  - GV nêu yêu HS phân tích và đánh vần tiếng mận, đọc trơn từ ngữ quả mận.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với bạn thân, khăn rằn  - GV nêu yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng**  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vấn an, ăn, ân,  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn an, ăn, ân.  - HS viết vào bảng con: an, ăn, ân và bạn, khăn, mận (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần ăn và ân vì trong các vần này đã có an (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong a, , â với nét móc trong n và giữ khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng).  - HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó: an – bạn, ăn - khăn, ân thân.  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cán). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi  -HS : ngựa vằn và hươu cao cổ đang chơi với nhau.  -Hs lắng nghe  - HS đọc theo GV  - HS đọc Ngựa vằn/ và hươu cao cổ/ là đôi bạn thân.  - HS đọc lại cả câu theo GV  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  - HS : vần an, ân, ăn giống nhau là đều có âm n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước là a, ă, â  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe, quan sát  -HS đánh vần cá nhân cả 3 vần mẫu 4 lượt  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn cá nhân 3 vần mẫu. 4 lượt  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần mẫu. 1 lượt  - HS tìm ghép vần an, lớp nhận xét  - HS tháo chữ a, ghép chữ ă để tạo thành vần ăn, lớp nhận xét  - HS tháo chữ ă, ghép chữ â để tạo thành vần ân  - Lớp đọc đồng thanh an, ăn , ân một số lần  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS đánh vần cá nhân tiếng bạn (bờ an - ban nặng - bạn). Lớp đánh vấn đồng thanh tiếng bạn.  - HS đọc trơn cá nhân tiếng bạn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng bạn.  - HS đánh vần cá nhân nối tiếp 3 lượt, lớp đánh vần các tiếng ( bản, nhãn, gắn,lặn, bận, gần.)  - Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  - HS: nối tiếp đọc trơn 2 lượt  - Cả lớp đọc đồng thanh các tiếng  - HS1 đọc: bản nhãn  - HS2: gắn lặn  - HS3: bận, gần  -Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng  - HS :ghép: bàn, nhận, gần, lần, bẩn, gân,…  - HS :đọc các tiếng vừa ghép được  - HS: phân tích  - HS: nêu cách ghép( thay vần an bằng ân,… )  - Cả lớp đồng thanh các tiếng vừa mới ghép được.  - HS đọc: quả mận  - HS; tiếng mận có chứa vần ân  - HS phân tích đánh vần tiếng mận, đọc trơn từ quả mận.  - HS: thực hiện nhưutừ quả mận  - HS: đọc nối tiếp các từ dưới tranh.  - 3 HS đọc trơn không theo thứ tự  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS: đọc nhóm đôi  - Hs: đại diện nhóm đọc  - Cả lớp đông thanh  -HS lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  lần lượt các vần  -HS nhậnxét  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.4. Viết vở**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng  cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút.  -GV yêu cầu HS viết vào vở các vần an, ăn, ân, các từ ngữ bạn thân, khăn ràn.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **2.5. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần an, ăn, ân.  - GV yêu cầu một số (4 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vấn tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vấn an, ăn, ân trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  + Đàn gà tha thần ở đâu ?  + Vì sao đàn gà không còn sợ lũ quạ dữ  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS,  + GV đang làm gì?  + Có chuyện gì đã xảy ra?  + Theo em, bạn cần xin lỗi Hà như thế nào?  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên, (Gợi ý: Các bạn đang xếp hàng vào lớp. Một bạn sơ ý giảm vào chân Hà. Bạn ấy cấn xin lỗi Hà: Xin lỗi bạn! Mình sơ ý đã giảm vào chân bạn!, Xin lỗi, minh khóng cố ý đâu!, Bạn cho mình xin lỗi nhé!.)  - GV yêu cầu HS chia nhóm, đóng vai trong tình huống: Khi xếp hàng vào lớp, bạn sơ ý giảm vào chân Hà. Hà nói: Sao cậu giảm vào chân mình? Bạn nói lời xin lỗi Hà.  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  - GV có thể nhắc nhở HS nội quy khi xếp hàng: đứng thẳng hàng, không đủa nghịch, không giảm vào chân nhau,..  **3. Củng cố**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần an, ăn, ăn và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS viết vào vở  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .đàn, thẩn, gần,chắn.  - HS đọc lại các tiếng đó cá nhân, cả lớp  - HS: hai câu  - HS đọc nối tiếp câu, cả lớp đồng thanh  -3 HS đọc trơn cả đoạn  - HS: gần chân mẹ  - HS : đã có mẹ che chắn, bảo vệ  - HS :Các bạn đang xếp hàng vào lớp.  - HS : Một bạn sơ ý giảm vào chân Hà  - HS1 :Xin lỗi bạn! Mình sơ ý đã giảm vào chân bạn!  - HS2 :Xin lỗi, minh khóng cố ý đâu!,  - HS3: Bạn cho mình xin lỗi nhé!  -HS thực hiện  -HS đóng vai, nhận xét  -Hs lắng nghe  - HS chơi: tìm từ ngữ : than, sân, bàn chân,  - HS đặt câu: Bàn chân bé nhỏ nhắn.  - HS: Đàn gà ăn ở sân.  -HS làm |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**TOÁN**

**BÀI 7:HÌNH VUÔNG – HÌNH TRÒN**

**HÌNH TAM GIÁC- HÌNH CHỮ NHẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Có biểu tượng ban đầu về hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

- Nhận biết được các dạng hình trên thông qua các đồ vật thật

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trên thông qua việc sử dụng bộ đồ dung học tập cá nhân hoặc vật thật.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài về hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

**+**Bước đầu biết so sánh , phân tích để nhận dạng hình trong một nhóm các hình đã cho

+Làm quen với đếm và đưa số liệu vào bảng ( Có yếu tố thống kê đơn giản)

+Gắn các hình đã học với những đồ vật thực tế ở xung quanh , trong lớp học.

**3.Phẩm chất :**

- Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn .

- Trung thực: Có biểu tượng ban đầu về hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, tự đánh giá mình , nhận xét bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh, vật thật, máy tính

- Sách , vở bài tập, bảng con.

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **TIẾT 2** | |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **1.1 Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài  **2. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **Bài 1: Nhận biết hình đã học**  **Có bao nhiêu hình tròn? Bao nhiêu hình vuông? Bao nhiêu hình tam giác? Bao nhiêu hình chữ nhật?**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV cho HS nhìn hình vẽ đếm xem có bao nhiêu hình vuông, bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình chữ nhật, bao nhiêu hình tròn?  7  - GV mời HS lên bảng chia sẻ  - GV cùng HS nhận xét  **Bài 2: Nhận biết hình đã học**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV cho HS quan sát hình vẽ các que tính, đếm xem có bao nhiêu hình vuông, bao nhiêu hình tam giác?  Lưu ý đếm hình tam giác: có 1 hình tam giác lớn gồm 4 hình tam giác nhỏ  7  - GV mời HS lên bảng chia sẻ  - GV cùng HS nhận xét  **Bài 3: Nhận dạng hình**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - HD HS tìm trong từng hình  - Ví dụ: Bức tranh a) vẽ hình gì?  Trong bức tranh có bao nhiêu hình vuông, tròn, tam giác, hình chữ nhật?  7  - GV cùng HS nhận xét  Tương tự cho HS tìm với bức tranh b, và c  **Bài 4: Nhận dạng hình**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - HD HS tìm trong hình vẽ hình nào không phải là hình vuông  - GV mời HS lên bảng chia sẻ  7  - GV cùng HS nhận xét  **Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Hát  - Lắng nghe  - Theo dõi, lắng nghe  - HS nhìn hình nhận biết và đếm  - Nêu kết quả: có 4 hình tròn, 3 hình vuông, 3 hình tâm giác, 2 hình chữ nhật.  - HS lên bảng chia sẻ  - HS nhận xét bạn  - Theo dõi, lắng nghe  - HS nhìn hình nhận biết và đếm  - Nêu kết quả: 5 hình tam giác, 4 hình vuông, 2 hình chữ nhật.  - HS lên bảng chia sẻ  - HS nhận xét bạn  - HS quan sát  - HS tìm hình và trả lời:  Tranh a) vẽ hình ngôi nhà. Có 3 hình tam giác, 2 hình tròn, 1 hình chữ nhật và 0 hình vuông.  - HS nhận xét bạn  - Hình b) có 3 hình tam giác, 1 hình tròn, 1 hình chữ nhật, 0 hình vuông.  - Hình c) có 1 hình tam giác, 2 hình tròn, 2 hình chữ nhật, 0 hình vuông.  - HS nhắc lại y/c của bài  - HS quan sát, nhận biết và nêu kết quả:  hình màu vàng, màu đỏ (dài), màu xanh nước biển.  - HS lên bảng chia sẻ  - HS nhận xét bạn  - Biết các dạng hình vuông, tròn, tam giác, chữ nhật. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



*Thứ ba ngày 24 tháng 10 năm 2023*

**Tiếng Việt**

**Bài 32: on ôn ơn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các *an, ăn, ân;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *an, ăn, ân* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *on, ôn, ơn*; viết đúng các tiếng, từ có vần *on, ôn, ơn*

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình**.**

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần *on, ôn, ơn*.

- HS phát triển kĩ năng nói theo chủ điểm *Rừng xanh vui nhộn* được gợi ý trong tranh; mở rộng vốn từ ngữ chỉ con vật, sự vật và tính chất, hoạt động của chúng ( trong đó có một số từ ngữ chứa vần *on, ôn, ơn).*

**-** Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết sự vật( khung cảnh rừng xanh, một số con vật sống trong rừng)và suy đoán nội dung tranh minh họa ( cảnh đẹp, vui nhộn của khu rừng vào buổi sáng).

**3. Phẩm chất:**

Yêu nước: HS yêu thiên nhiên, cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua bức tranh sinh động về rừng và về muông thú trong rừng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh, máy tính

- Sách, vở, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **1.1 Khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng an, ăn,ân  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: + Em thấy gì trong tranh?  - GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh (Gợi ý: Một nhóm sơn ca đang hát trên cành cây. Sơn ca hát: Mẹ ơi, con đã lớn khôn, Nhóm khác đang tập viết,...)  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng cần nhận biết và yêu câu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Sơn ca véo von: Mẹ ơi, con đã lớn khôn.  - GV giới thiệu các vấn mới on, ôn, ơn. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc vần, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**:  + GV giới thiệu vần on, ôn, ơn  + GV yêu cầu HS so sánh vần ôn, ơn với on để tìm ra điểm giống và khác nhau.  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: o, ơ,ô  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vẫn on, ôn, ơn. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vấn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần on.  + GV yêu cầu HS tháo chữ o, ghép ô vào để tạo thành ôn.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ơ, ghép ô vào để tạo thành ơn.  - Lớp đọc đồng thanh on, ôn, ơn một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng con. (GV: Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm c ghép trước on ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng con.  + GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng con. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng con.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng con. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng con.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng: GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nói tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng tùng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vẫn lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần on, ôn, ơn  . (GV đưa mô hình tiếng con, vừa nói vừa chỉ mô hình: Muốn có tiếng "con" chúng ta thêm chữ ghi âm c vào trước vần on. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ôn hoặc vần ơn vừa học! GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)".  +GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được. +GV yêu cầu HS phân tích tiếng  +GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + +GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép dược.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: nón lá, con chồn, sơn ca. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn quả mặn  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ nón lá xuất hiện dưới tranh.  - GV nêu yêu HS nhận biết tiếng chứa vần on trong nón lá  - GV nêu yêu HS phân tích và đánh vần nón lá, đọc trơn từ nón lá.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với con chồn, sơn ca  - GV nêu yêu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng**  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vấn on, ôn, ơn  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn on, ôn, ơn.  - HS viết vào bảng con: on, ôn, ơn ,con, chồn, sơn (chữ cỡ vừa). (GV lưu ý HS liên kết giữa nét nối trong o,ô,ơ với nét móc trong n và giữ khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng).  - HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cán). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi  -HS : chim mẹ và những chim con  - HS: chim con đang học bài  - HS: Chim sơn ca đang hát trên cành cây.  - HS: Sơn ca hát; Mẹ ơi, con đã lớn khôn.  -Hs lắng nghe  - HS đọc theo GV  - HS đọc : Sơn ca véo von:/ Mẹ ơi/ con đã lớn khôn.  - HS đọc lại cả câu theo GV  -Hs lắng nghe và quan sát  - HS lắng nghe  - HS : vần an, ân, ăn giống nhau là đều có âm n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước là , ô, ơ  -Hs lắng nghe  -HS: lắng nghe, quan sát  -HS đánh vần cá nhân cả 3 vần mẫu 4 lượt  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn cá nhân 3 vần mẫu. 4 lượt  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần mẫu. 1 lượt  -HS tìm ghép vần on, lớp nhận xét  -HS tháo chữ o, ghép chữ ô để tạo thành vần ơn, lớp nhận xét  -HS tháo chữ ă, ghép chữ â để tạo thành vần ân  - Lớp đọc đồng thanh on, ôn , ơn một số lần  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS đánh vần cá nhân tiếng bạn (cờ on – con) )- Lớp đánh vấn đồng thanh tiếng bạn.  - HS đọc trơn cá nhân tiếng con. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng con  - HS đánh vần cá nhân nối tiếp 3 lượt, lớp đánh vần các tiếng ( giòn, ngon, bốn,nhộn, gợn, lớn.)  - Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  - HS: nối tiếp đọc trơn 2 lượt  - HS1 đọc: giòn, ngon  - HS2: bốn, nhộn  - HS3: gợn, lớn  -Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng  - HS :ghép: đón, hòn, tôn, khôn, vờn, sơn,…  - HS :đọc các tiếng vừa ghép được  - HS: phân tích  - HS: nêu cách ghép( thay vần on bằng ôn,…)  - Cả lớp đồng thanh các tiếng vừa mới ghép được.  - HS đọc: nón lá  - HS; tiếng mận có chứa vần on  - HS phân tích đánh vần tiếng nón, đọc trơn từ nón lá.  - HS: thực hiện như từ nón lá  - HS: đọc nối tiếp các từ dưới tranh.  - 3 HS đọc trơn không theo thứ tự  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS: đọc nhóm đôi  - Hs: đại diện nhóm đọc  - Cả lớp đông thanh  -HS lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  lần lượt các vần  -HS nhậnxét  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.4. Viết vở**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng  cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút.  -GV yêu cầu HS viết vào vở các vần on, ôn, ơn, con, chồn, sơn  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **2.5. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần on, ôn, ơn.  - GV yêu cầu một số (4 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần on, ôn, ơn trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng nối tiếp mỗi HS đọc 2 câu/2 dòng . Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  + Có mấy chú lợn con được kể trong bài vè ?  + Những từ ngữ nào nói lên đặc điểm của các chủ lợn con ?  + Theo em, các chủ lợn con có đáng yêu không?  + Vì sao các chủ rất đáng yêu?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS,  + Bức tranh vẽ cảnh ở đâu?  + Cảnh buổi sáng hay buổi chiều?  + Dựa vào đâu mà em biết?  + Có những con vật nào trong khu rừng?  + Các con vật đang làm gì?  + Mặt trời có hình gì?  + Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng thư thế nào?  - GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ động vật, giữ gìn tài nguyên môi trường của đất nước.  **3. Củng cố**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần on, ôn, ơn và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS viết vào vở  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm :*bốn, lợn, nhởn,giỡn, tròn, con.*  - HS đọc lại các tiếng đó cá nhân, cả lớp  - HS đọc nối tiếp câu ( mỗi em 2 dòng), cả lớp đồng thanh  - 3 HS đọc cả đoạn  - HS: bốn chú  - HS : vô tư, no tròn  -HS: các chú lợn rất đáng yêu.  - HS: vì vui vẻ, béo tròn..  - HS :Bức tranh vẽ cảnh ở rừng.  - HS : vào buổi sáng  - HS :Vì có hình ảnh mặt trời chiếu rọi. chân bạn!  - HS :Có những con vật: chồn, gấu, lợn, sóc, thỏ, khi.  - HS: Các con vật đứng thành vòng tròn, cầm tay nhau nhảy múa. Khi một tay đu cành cây, một tay bắt bướm. Chim và bướm đang bay lượn.  - HS: Mặt trời có hinh tròn.  - HS: Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng thật vui nhộn  - HS: lắng nghe  - HS chơi: tìm từ ngữ : *hòn đá, chọn, sơn*  - HS đặt câu: Hòn đá to.  - HS: Bé chọn chữ số  - HS: Bố sơn xe ô tô.  - HS: lắng nghe thực hiện |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**TƯ NHIÊN- XÃ HỘI**

**CHỦ ĐỀ 2: TRƯỜNG HỌC**

**BÀI 7: CÙNG KHÁM PHÁ TRƯỜNG HỌC (3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

+ Nói được tên địa chỉ trường mình

+ Xác định vị trí các phòng chức năng, một số khu vực khác nhau của nhà trường

+ Kể được một số thành viên trong trường và nói được nhiệm vụ của họ

+Kể được một số hoạt động chính ở trường, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động đó.

**2. Năng lực:**

**a.Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học:

+ Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học .  
- Giao tiếp và hợp tác: Biết giao tiếp, ứng xử phù hợp với vị trí, vai trò và các mối quan hệ của bản thân với các thành viên trong trường

**b. Năng lực đặc thù:**

**Năng lực nhận thức khoa học:**

**Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

+ Học sinh đặt được một số câu hỏi tìm hiểu về trường học, các thành viên và hoạt động trường học, các thành viên và hoạt động trường học.

+ Học sinh quan sát tranh ( SGK) trình bày ý kiến của mình về trường học, hoạt động trường học.

**Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:**

+ Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học .

+ Lựa chọn chơi những trò chơi an toàn khi ở trường.

**3. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ: Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học . Kính trọng thầy cô giáo và các thành viên trong nhà trường

- Trách nhiệm: Lựa chọn chơi những trò chơi an toàn khi ở trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:

+ Hình ảnh về trường học, một số phòng và khu vực trong trường cùng một số hoạt động ở trường

+ Máy chiếu

- HS: Sưu tầm tranh ảnh về trường học và các hoạt động ở trường

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - GV đưa ra một số câu hỏi:  +Tên trường học của chúng ta là gì?  +Em đã khám phá được những gì ở trường? để HS trả lời, sau đó dẫn dắt vào tiết học mới.  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động khám phá**  - GV hướng dẫn HS quan sát các hình trong SGK  - Yêu cầu HS thảo luận về nội dung hình theo gợi ý của GV:  C:\Users\HANG\Desktop\KHÁM PÁ BAI 7.jpgC:\Users\HANG\Downloads\tranh\tranh1 gop bai 7.jpg  +Trường học của Minh và Hoa tên là gì?  + Trường của hai bạn có những phòng và khu vực nào?  - GV tổ chức cho từng cặp HS quan sát hình các phòng chức năng, trao đổi với nhau theo câu hỏi gợi ý của GV để nhận biết nội dung của từng hình, từ đó nói được tên các phòng: thư viện, phòng y tế, phòng học máy tính và nêu được chức năng của các phòng đó cũng như một số phòng và khu vực khác.    Yêu cầu cần đạt: HS nói được tên trường, địa chỉ trường và giới thiệu khái quát được không gian trường học của Minh và Hoa.  **3. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  GV gọi một số HS trả lời tên và địa chỉ trường học của mình và nêu câu hỏi:  +Trường em có những phòng chức năng nào?  +Có phòng nào khác với trường của Minh và Hoa không?  +Vị trí các phòng chức năng có trong trường, khu vui chơi, bãi tập…) khuyến khích HS tìm ra điểm giống và khác giữa trường của mình với trường của Minh và Hoa.  Yêu cầu cần đạt: Hs nói được tên và địa chỉ trường học của mình, nhận biết được một số phòng trong trường và chức năng của các phòng đó.  **4. Đánh giá:**  -HS nói được tên, địa chỉ của trường, nêu được các phòng chức năng trong trường.  -Có thái độ yêu quý từ đó có ý thức bảo vệ trường lớp của mình.  **5. Hướng dẫn về nhà:**  -Tìm hiểu về trường tiểu học mà bố mẹ, anh chị đã học.  **\* Tổng kết tiết học:**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | * HS lắng nghe và trả lời * HS lắng nghe * HS quan sát hình trong SGK * HS thảo luận nhóm * Đại diện nhóm trình bày * HS nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn   -Trường của Minh và Hoa tên là trường tiểu học Ánh Dương  Trường có nhiều phòng học, phòng thư viện,phòng y tế, phòng tin, sân chơi và có nhiều cây xanh..  HS quan sát hình trong SGK  HS thảo luận nhóm  Đại diện nhóm trình bày  HS nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  Tranh2:phòng học  Tranh3:phòng thư viện  Tranh4:phòng y tế  Tranh5:phòng họcmáy tính  Tranh6:phòng truyền thống  Tranh7:phòng bếp  Tranh8:phòng vệ sinh  Phòng thư viên, phòng tin, phòng âm nhạc, phòng họp họi đồng của thầy cô giáo.  Có, trường em không có phòng y tế và phòng ăn tập thể.  Tên của trường em là trường tiểu học Phò Ninh thuộc xã Phong An, huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế  Phòng thư viên để đọc sách  Phòng tin để học tin  Phòng âm nhạc để học âm nhạc  HS nhận xét, bổ sung cho bạn  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại nội dung bài |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



*Thứ tư ngày 25 tháng 10 năm 2023*

**Tiếng Việt**

**Bài 33: en ên in un**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *am, ăm, âm ;*đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *am, ăm, âm* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *am, ăm, âm* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *am, ăm, âm*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Giao tiếp và hợp tác: HS biết cùng các bạn hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự phân công của thầy cô.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần *am, ăm, âm* có trong bài học.

- HS phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Môi trường sống của các loài vật( được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật nuôi ở gia đình em hay nhà hàng xóm.

**3. Phẩm chất:**

Trách nhiệm **:** HS có ý thức chăm sóc và bảo vệ các con vật có ích.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh, tivi

- Sachs

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng on, ôn, ơn  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: + Em thấy gì trong tranh?  - GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng cần nhận biết và yêu câu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Cún con/ nhìn thấy/ dế mèn/ trên tàu lá.  - GV giới thiệu các vần mới en,ên, un, in. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc vần, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**:  + GV giới thiệu vần en,ên, un, in  + GV yêu cầu HS so sánh vần en,ên, un, in để tìm ra điểm giống và khác nhau.  (Gợi ý: ).  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần en,ên, un, in.  + GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 4 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 4 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 4 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần en.  + GV yêu cầu HS tháo chữ e, ghép ê vào để tạo thành ên.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ê, ghép i vào để tạo thành in.  + GV yêu cầu HS tháo chữ i, ghép u vào để tạo thành un.  - Lớp đọc đồng thanh en,ên,in,un một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng mèn. (GV: Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm m ghép trước en và dấu thanh ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng mèn.  + GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng mèn. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mèn.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mèn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mèn.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng: GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nói tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng tùng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vẫn lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần en, ên, un, in. (GV đưa mô hình tiếng mèn, vừa nói vừa chỉ mô hình: Muốn có tiếng "mèn" chúng ta thêm chữ ghi âm m vào trước vần en. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ên, vần in hoặc vần un vừa học! GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)".  +GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được. +GV yêu cầu HS phân tích tiếng  +GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + +GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: ngọn nến, đèn pin, cún con. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ngọn nến  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ ngọn nến xuất hiện dưới tranh.  - GV nêu yêu HS nhận biết tiếng chứa vần ên trong ngọn nến  - GV nêu yêu HS phân tích và đánh vần n ngọn nến, đọc trơn từ ngọn nến.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với đèn pin, cún con  - GV nêu yêu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng**  - GV yêu cầu nhóm, dãy cả lớp đồng thanh một lần  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vấn en,ên,un,in  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn en,ên,un,in  - HS viết vào bảng con: en,ên,un,in đèn, nến, cún, pin(chữ cỡ vừa). (GV lưu ý HS liên kết giữa nét nối trong o,ô,ơ với nét móc trong n và giữ khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng).  - HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cần). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi  - HS : Cún con chơi ở bãi cỏ.  - HS: Cún chăm chú nhìn dế mèn.  -HS lắng nghe  - HS đọc theo GV  - HS đọc : Cún con/ nhìn thấy/ dế mèn/ trên tàu lá.  - HS đọc lại cả câu theo GV  -HS lắng nghe và quan sát  - HS lắng nghe  - HS : vần en, ên, in , un .Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: e, ê,u,i  -Hs lắng nghe  -HS: lắng nghe, quan sát  -HS đánh vần cá nhân cả 4 vần mẫu (4 lượt)  - Lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần.  - HS đọc trơn cá nhân 4 vần mẫu. (4 lượt)  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh 4 vần mẫu. 1 lượt  - HS :tìm ghép vần en, lớp nhận xét  - HS :tháo chữ e, ghép chữ ê để tạo thành vần ên, lớp nhận xét  - HS: tháo chữ ê, ghép chữ i để tạo thành vần in, lớp nhận xét  - HS: tháo chữ i để tạo thành vần un, lớp nhận xét.  - Lớp đọc đồng thanh en, ên , in, un một số lần  -HS : mèn  -HS thực hiện ghép  -HS đánh vần cá nhân tiếng bạn (mờ -en - men - huyền mèn )  - Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mèn.  - HS đọc trơn cá nhân tiếng mèn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mèn  - HS đánh vần cá nhân nối tiếp 3 lượt, lớp đánh vần các tiếng ( khèn, sen, nến, nghển, chín, mịn, cún, vun.)  - Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  - HS: nối tiếp đọc trơn các tiếng trên (2 lượt)  -Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng  - HS :ghép: - HS :đọc các tiếng vừa ghép được  - HS: phân tích  - HS: nêu cách ghép- Cả lớp đồng thanh các tiếng vừa mới ghép được.  - HS đọc: ngọn nến  - HS; tiếng nến có chứa vần ên  - HS phân tích đánh vần tiếng nến, đọc trơn từ ngọn nến.  - HS: thực hiện như từ ngọn nến  - HS: đọc nối tiếp các từ dưới tranh.  - 3 HS đọc trơn không theo thứ tự  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS; đọc cá nhân, dãy, cả lớp đồng thanh 1 lần các tiếng, các từ trong SHS ở phần Đọc  - Cả lớp đông thanh  -HS lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  lần lượt các vần  -HS nhậnxét  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.4.. Viết vở**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng  cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cầm bút.  -GV yêu cầu HS viết vào vở các vần en,ên,un,in đèn, nến, cún, pin  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **2.5. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần en,ên,un,in  - GV yêu cầu một số (4 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần en, ên, in, un trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn.  ( 1 dòng là 1 câu) Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  + Trong một câu chuyện, con vật nào chậm chạp, nhưng khi chay thi với thỏ thì đã thắng?  + Rùa có dáng vẻ thế nào?  + Con vật nào, nhìn qua, rất giống rùa?  + Vì sao tên gọi của con vật trong câu đố có nghĩa là “cha”?  + Vì sao nói tên con vật này có chứa chữ số?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS,  + Việc gì đã xảy ra giữa Nam và bác bảo vệ?  + Nam có lỗi không?  + Nếu là Nam, em xin lỗi bác bảo vệ như thế nào?  - GV chia nhóm, đóng vai tình huống diễn ra giữa Nam và bác bảo vệ: Nam đá bóng vào lưng bác bảo vệ. Bắc bảo vệ nhặt quả bóng và nói: Ổ! Một quả bóng! Nam nói lời xin lỗi.  **3. Củng cố**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần en,ên,un,in và đặt câu với các từ ngữ tìm được  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS viết vào vở  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm : nhìn, quen, ngủn  - HS đọc lại các tiếng đó cá nhân, cả lớp  - HS: có 4 câu  - HS đọc nối tiếp câu ( mỗi em 1 dòng), cả lớp đồng thanh  - HS: đọc cá nhân cả đoạn (3 em)  - HSTrong một câu chuyện, rùa chậm chạp, nhưng khi chạy thi với thỏ thi đã thắng.  - HS : Rùa có dáng vẻ già nua, ngắn ngủn.  -HS: Con ba ba, nhìn qua, rất giống rùa  - HS: Tên của ba ba cũng có nghĩa là “cha" vi tiếng “cha” đồng nghĩa với “ba”, “bố”.  - HS: Tên con vật có chứa chữ số, vi “ba ba” cỏ số 3 hay là số 33.  - HS: quan sát  - HS :Nam và bạn đá bóng gắn cổng trường, quả bóng rơi vào lưng bác bảo vệ  - HS : Nam là người có lỗi.  - HS :Nam phải xin lỗi bác. Có thể xin lỗi như sau: Cháu xin lỗi bản! Lần sau cháu không vô ý như thế nữa!.  - HS: lắng nghe, nhận xét.  - HS: đóng vai theo tình huống  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  - HS chơi: tìm từ ngữ : con sên, quên, xin, bún  - HS đặt câu: Con sên bò trên lá.  - HS: Bé ngủ quên.  - HS: Bé xin mẹ về quê.  - HS: Em ăn bún bò.  - HS: lắng nghe thực hiện  -HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Toán**

**BÀI 8:THỰC HÀNH LẮP GHÉP, XẾP HÌNH(2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** - Nhận dạng được hình đã học( hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.)

- Nắm được các thao tác đơn giản khi xếp, ghép các hình đơn lẻ thành một hình tổng hợp theo yêu cầu.

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học:

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài .

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

**+** Rèn trí tưởng tượng không gian, biết phân tích tổng hợp khi xếp, ghép các hình- Lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

**3. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn .

- Trung thực: Tự đánh giá mình , nhận xét bạn việc thực hiện lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Khám phá**  - GV giới thiệu bộ hình ghép (gồm 5 miếng bìa như SGK).  -GV: Bạn Mai và bạn Việt đã ghép được các hình rất đẹp . Bây giờ lớp chúng ta tiến hành ghép hình như bạn Mai và bạn Việt nhé  8  - GV phân chia HS ghép theo nhóm  - GV theo dõi hướng dẫn HS ghép.  - Từng HS thực hiện ghép trước lớp.  -GV cùng Hs nhận xét  - ? Ngoài 2 hình như bạn Việt và bạn Mai, có em nào có thể ghép được hình nào khác không?  - GV giúp đỡ HS thực hiên  - GV cùng HS nhận xét.  **2.2. Hoạt động:**  **-** GV cho HS quan sát 3 miếng bìa như trong SGK  - Cho Hs nhận dạng hình :  8  ? Hình a) là hình gì?  Vậy từ 3 tấm bìa trên các em hãy ghép thành HCN như hình a ) nhé.   * - GV theo dõi , chỉ dẫn HS làm   Tương tự với các hình b), c), d)  **3. Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Hát  - Lắng nghe  - HS quan sát  - Lắng nghe  - HS làm việc theo nhóm  -Thực hiện ghép trước lớp  - HS nhận xét  - HS thực hiện.  - Nhận xét bạn  -HS quan sát.  - HS trả lời: Hình a) là hình chữ nhật.  - HS tiến hành ghép.  - HS nhận xét bạn  - Tương tự, HS tiến hành ghép các hình b), c), d).  - Biết ghép, xếp hình. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



*Thứ năm ngày 26 tháng 10 năm 2022*

**Đạo đức**

**Chủ đề 3**:**QUAN TÂM, CHĂM SÓC NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH**

**Bài 8: Quan tâm chăm sóc cha mẹ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học:Chủ động thực hiện những lời nói, việc làm thể hiện sự lễ phép, vâng lời cha mẹ.

**b.Năng lực đặc thù**

**Năng lực điều chỉnh hành vi**

- NL nhận thức chuẩn mực hành vi: Nhận biết được biểu hiện và ý nghĩa của việc quan tâm, chăm sóc cha mẹ.

- NL điều chỉnh hành vi: Chủ động thực hiện những lời nói, việc làm thể hiện sự lễ phép, vâng lời cha mẹ.

**Năng lực phát triển bản thân**

- Chủ động thực hiện những lời nói, việc làm thể hiện sự lễ phép, vâng lời cha mẹ.

**2.Phẩm chất :**

- Chăm chỉ: Thường xuyên thực hiện lễ phép vâng lời cha mẹ,có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

- Trách nhiệm: Có ý thức lễ phép vâng lời cha mẹ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV: -** SGK, SGV, vở bài tập đạo đức 1

- SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 1;

- Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười – mặt mếu, âm nhạc (bài hát “Bàn tay mẹ” – sáng tác: Bùi Đình Thảo.

- Máy tính, bài giảng PP (nếu có điều kiện)

**HS:** SGK, vở bài tập đạo đức 1

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  ***Tổ chức hoạt động tập thể - hát bài “Bàn tay mẹ”***  - GV tổ chức cho cả lớp cùng hát để HS hát bài “Bàn tay mẹ”.  dd8  - GV đặt câu hỏi:  + Bàn tay mẹ đã làm những việc gì cho con? (bế con, chăm con, nấu cơm cho con ăn, đun nước cho con uống, quạt mát cho con ngủ, ủ ấm cho con để con khôn lớn,…)  *Kếtluận:* Bàn tay mẹ đã làm rất nhiều việc chăm sóc con khôn lớn. Công ơn của cha mẹ lớn như trời, như biển. Vậy chúng ta cần quan tâm, chăm sóc cha mẹ để đáp lại tình cảm yêu thương đó. Giới thiệu bài.  **2. Khám phá**  ***Tìm hiểu vì sao phải quan tâm, chăm sóc cha mẹ.***  **-** GV treo 5 tranh ở mục Khám phá trong SGK (hoặc dùng các phương tiện dạy học khác để chiếu hình),  - Chia HS thành các nhóm (từ 4 – 6 HS), giao nhiệm vụ cho các nhóm: Bạn trong mỗi tranh đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ?  dd8  **-** Đại diện nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm thông qua các tranh (có thể đặt tên cho nhân vật trong tranh).  - Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến cho nhóm vừa trình bày.  - GV đặt câu hỏi: Vì sao cần quan tâm, chăm sóc cha mẹ?  - GV lắng nghe, khen ngợi HS có những câu trả lời đúng và hay.  *Kết luận:* Hằng ngày, cha mẹ đã làm việc vất vả để nuôi dạy con cái khôn lớn, dành tất cả tình yêu thương cho con. Để đáp lại tình yêu thương lớn lao ấy, con cái cần quan tâm, chăm sóc cha mẹ bằng những việc làm như: yêu thương, chia sẻ niềm vui, phụ giúp gia đình, chăm chỉ học tập,...  **3. Luyện tập**  **Hoạt động 1. *Em chọn việc nên làm***  - GV chia HS thành các nhóm (từ 4 - 6 HS), giao nhiệm vụ cho các nhóm quan sát kĩ các tranh trong SGK để lựa chọn: Đồng tình với việc làm nào? Không đồng tình với việc nào? Vì sao?  - GV treo tranh lên bảng để HS lên gắn sticker mặt cười hay mặt mếu (hoặc dùng thẻ xanh, đỏ để bày tỏ ý kiến).  dd8  - Mời đại diện các nhóm lên gắn sticker (hoặc giơ thẻ đỏ hay xanh).  *Kếtluận:* Hành vi của bạn nhỏ ở bên mẹ, giữ im lặng cho mẹ nghỉ ngơi, chăm sóc khi mẹ bị ốm thật đáng khen. Không nên thờ ơ, thiếu sự quan tâm đến mẹ như hành vi của bạn nhỏ: mẹ ốm và vẫn ngồi xem ti - vi, bỏ đi chơi không quan tâm mẹ.  **Hoạtđộng 2. *Chia sẻ cùng bạn:***  - GV đặt câu hỏi: Em đã làm được những việc gì để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ?  - GV tùy thuộc vào thời gian của tiết học có thể mời một số em chia sẻ trước lớp hoặc các em chia sẻ theo nhóm đôi.  - HS chia sẻ qua thực tế của bản thân.  - GV nhận xét và khen ngợi các bạn đã biết thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ.  **4. Vậndụng**  **Hoạt động 1. *Xử lí tình huống***  **-** GV cho cả lớp quan sát tranh ở đầu mục Vận dụng và đặt câu hỏi: Bố em đi làm về vừa nóng vừa mệt, em sẽ làm gì? *(*  dd8  - GV khen ngợi HS trả lời tốt và động viên các bạn trả lời còn thiếu, chưa đủ.  - GV mời HS chia sẻ những việc mình đã làm thể hiện quan tâm, chăm sóc cha mẹ.  - GV khen ngợi những việc làm của HS.  *Kếtluận:* Khi bố đi làm về mệt, em nên hỏi han bố, xách đồ giùm bố, lấy nước mời bố, quạt mát cho bố,… là những việc làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc mẹ.  **Hoạtđộng 2. *Em thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi***  GV cho HS quan sát tranh cuối mục Vận dụng và hướng dẫn HS thảo luận theo cặp, kể cho nhau nghe những việc em đã làm và sẽ làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ (HS có thể kể những việc giống trong tranh hoặc việc khác mà các em đã làm).  *Kết luận:* Em luôn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cha mẹ những việc làm vừa sức.  ***Thông điệp:***  dd8  **-** Hệ thống kiến thức bài.  - Nhận xét, tuyên dương, động viên HS. | -HS hát  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh  - HS đại diện trình bày kết quả  - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.   + Tranh l:Bạn tặng hoa chúc mừng mẹ nhân ngày 8 - 3/ Bạn chúc mừng sinh nhật mẹ,...Tranh 2: Bạn thơm má bố/ Bạn rất yêu bố,...  + Tranh 3: Bạn cùng chị gái phụ giúp mẹ nấu cơm.  + Tranh 4: Bạn cùng bố lau nhà.  + Tranh 5: Bạn cùng chị gái rửa và xếp gọn bát đĩa.   -HS lắng nghe        - HS trả lời   - HS lắng nghe    + Đồng tình: tranh 1,2.  + Không đồng tình: tranh 3, 4.  - HS nêu ý kiến vì sao đồng tình với việc làm ở tranh 1, 2; không đồng tình với việc làm ở tranh 3,4. Cả lớp lắng nghe và bổ sung ý kiến.  + Đồng tình: Mẹ ốm, bạn lấy nước cho mẹ uống; bạn biết giữ trật tự cho me nghỉ ngơi.  + Không đồng tình: Mẹ ốm, đã gọi mà bạn vẫn thản nhiên xem ti-vi và reo cười; bạn vẫn vô tư đi chơi, không quan tâm đến mẹ.  - HS tự liên hệ bản thân và chọn    - HS quan sát  - Em pha ước cho bố uống, bật máy quạt cho mát.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS thảo luận và nêu  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - HS kể *Lấy nước cho bố uống, lấy khăn cho bố lâu mồ hôi, bật quạt cho bố,…)*  - HS lắng nghe  - HS đọc và ghi nhớ.  - HS thảo luận theo cặp  - Đại diện nhóm trình bày  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 34: am âm ăm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *am, ăm, âm ;*đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *am, ăm, âm* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *am, ăm, âm* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *am, ăm, âm*

.**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Giao tiếp và hợp tác: HS biết cùng các bạn hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự phân công của thầy cô.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần *am, ăm, âm* có trong bài học.

- HS phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Môi trường sống của các loài vật( được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật nuôi ở gia đình em hay nhà hàng xóm.

**3. Phẩm chất:**

Trách nhiệm **:** HS có ý thức chăm sóc và bảo vệ các con vật có ích.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh, máy tính

- Sách vở, bảng con

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng en, ên, un, in  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: + Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng cần nhận biết và yêu câu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Nhện ngắm nghĩa/ tấm lưới /vừa làm xong.  - GV giới thiệu các vấn mới am, âm, ăm. Viết tên bài lên bảng.  **2.2 Đọc vần, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**:  + GV giới thiệu vần am, âm, ăm  + GV yêu cầu HS so sánh vần am, âm, ăm để tìm ra điểm giống và khác nhau.  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vẫn am, âm, ăm. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vấn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần am.  + GV yêu cầu HS tháo chữ a, ghép â vào để tạo thành âm.  + GV yêu cầu HS tháo chữ â, ghép ă vào để tạo thành ăm.  - Lớp đọc đồng thanh am, âm, ăm một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng làm. (GV: Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm l ghép trước am, dấu huyền ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng làm.  + GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng làm. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng làm.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng làm. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng làm.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng: GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nói tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng).  Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng tùng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vẫn lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần am, âm, ăm. (GV đưa mô hình tiếng làm, vừa nói vừa chỉ mô hình: Muốn có tiếng "làm" chúng ta thêm chữ ghi âm c vào trước vần am. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần âm hoặc vần ăm vừa học! GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)".  +GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được. +GV yêu cầu HS phân tích tiếng  +GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + +GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: quả cam, tăm tre, củ sâm. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn quả cam  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ quả cam xuất hiện dưới tranh.  - GV nêu yêu HS nhận biết tiếng chứa vần am trong quả cam  - GV nêu yêu HS phân tích và đánh vần quả cam, đọc trơn từ quả cam.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với tăm tre, củ sâm  - GV nêu yêu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng**  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vấn am,ăm,âm  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn am,ăm,âm.  - HS viết vào bảng con: am,ăm,âm, cam, tăm, sâm (chữ cỡ vừa).  - HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cần). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi  - HS : Có một chú nhện  - HS: Chú nhện chăm chủ nhìn tấm lưới do mình dệt ra. Tấm lưới rất đẹp  -HS lắng nghe  - HS đọc theo GV  - HS đọc : Nhện ngắm nghĩa/ tấm lưới/ vừa làm xong. Theo GV  - HS đọc lại cả câu theo GV  -HS lắng nghe và quan sát  - HS lắng nghe  - HS : vần am, ăm, âm .Giống nhau là đều có m đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a,ă,â  -Hs lắng nghe  -HS: lắng nghe, quan sát  -HS đánh vần cá nhân cả 3 vần mẫu (5 lượt)  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn cá nhân 3 vần mẫu. (5 lượt)  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh 34 vần mẫu. 1 lượt  - HS :tìm ghép vần am, lớp nhận xét  - HS :tháo chữ a, ghép chữ ă để tạo thành vần ăm, lớp nhận xét  - HS: tháo chữ ă, ghép chữ â để tạo thành vần âm, lớp nhận xét  m  - Lớp đọc đồng thanh am, ăm, âm một số lần  -HS : làm  -HS thực hiện ghép  -HS đánh vần cá nhân tiếng bạn (lờ- am- lam- huyền - làm )  - Lớp đánh vần đồng thanh tiếng làm.  - HS đọc trơn cá nhân tiếng làm. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng làm  - HS đánh vần cá nhân nối tiếp 5 lượt, lớp đánh vần các tiếng ( cam, khám, ẵm, cằm, đậm,nhẩm).  - Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  - HS: nối tiếp đọc trơn các tiếng trên (5 lượt)  - Mỗi HS đọc trơn 6 tiếng cả 3 vần. .  - Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng 1 lần  - HS :ghép: đạm, tám, chăm, năm, tấm, đậm, nấm,…  - HS :đọc các tiếng vừa ghép được  - HS: phân tích  - HS: nêu cách ghép( thay vần am bằng ăm,…)  - Cả lớp đồng thanh các tiếng vừa mới ghép được.  - HS đọc: quả cam  - HS: tiếng cam có chứa vần am  - HS phân tích đánh vần tiếng cam, đọc trơn từ quả cam  - HS: thực hiện như từ quả cam  - HS: đọc nối tiếp các từ dưới tranh.  - 3 HS đọc trơn không theo thứ tự  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS: đọc cá nhân, dãy, cả lớp đồng thanh 1 lần các tiếng, các từ trong SHS ở phần Đọc  - Cả lớp đông thanh  -HS lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  lần lượt các vần  -HS nhậnxét  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.4. Viết vở**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng  cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút.  -GV yêu cầu HS viết vào vở các vần am,ăm,âm, cam, tăm, sâm  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **2.5. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần am,ăm,âm, cam, tăm, sâm  - GV yêu cầu một số (4 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần am,ăm,âm trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  + Âm thanh nào báo hiệu mùa hè đã đến Hoa sen nở vào mùa nào?  + Trên thảm cỏ ven hồ, lũ trẻ làm gì?...  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, +Tranh vẽ cảnh ở đâu?  +Em nhìn thấy các con vật nảo trong tranh?  +Mỗi con vật đang làm gì?  +Đâu là nơi sinh sống của từng loài vật?  + Kể tên các loài vật khác và nơi sinh sống của chúng mà em biết?  - GV yêu cầu HS chia nhóm: kể tên các con vật được nuôi trong nhà và giới thiệu với các bạn về một con vật trong số đó.  - GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn môi trường sống cho động vật.  **3. Củng cố**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần am, ăm, âm và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS viết vào vở  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm : thảm, thắm, râm.  - HS đọc lại các tiếng đó cá nhân, cả lớp  - HS: có 2 câu  - HS đọc nối tiếp câu ( mỗi em 1 câu), cả lớp đồng thanh  - HS: đọc cá nhân cả đoạn (3 em)  - HS: Tiếng ve râm ran báo hiệu mùa hè đến. Hoa sen nở vào mùa hè  - HS : Trên thảm cỏ ven hó, lũ trẻ đang nô đùa  - HS: quan sát  - HS :Tranh vẽ cành ở một khu rừng, có suối chảy phía trên là thác.  - HS : Trong tranh, có hai chú nai đang cúi xuống uống nước  - HS :chủ hươu đang đứng bên bờ suối, có cá đang bơi, có vài con chim đang bay.  - HS: Nai sống trong rừng. Cá sống dưới nước. Chim sống trên trời. Các loài vật khác: hươu, khi, vượn, gấu, voi, hổ,..sống trong rừng. Chó, mèo, để, lợn,..nuôi trong nhà. Tôm, cua, ốc,.. sống dưới nước  - HS: Hổ, báo, sư tử sống trong rừng  - HS: Cá mập sống dưới biển  - HS: Chín én, chim đại bàng,.. bay trên trời  - HS: vật nuôi trong nhà, chó, mèo, gà vịt, trâu bò,…  - Đại diện nhóm trình bày  - HS: em sẽ luôn giữ gìn môi trường sạch sẽ để các con vật được sống tốt.  - HS chơi: tìm từ ngữ : số tám, chăm, chấm  - HS đặt câu: Bé chọ số tám.  - HS: Bà chăm bé Na.  - HS: Cô chấm bài.  - HS: lắng nghe thực hiện  -HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**TOÁN (LT)**

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :** Giúp HS củng cố hình thành:

**1. Phát triển các kiến thức.**

- Nhận dạng được các hình đã học: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.

- Củng cố các thao tác đơn giản khi xếp, ghép các hình đơn lẻ thành hình tổng hợp theo yêu cầu

**2. Phát triển các năng lực, phẩm chất**

**+ Năng lực:**

**-** Rèn trí tưởng tượng không gian, biết phân tích, tổng hợp khi xếp, ghép các hình.

**+ Phẩm chất:** Rèn tính tự lập, kỉ luật, chăm chỉ, siêng năng, hứng thú trong môn học khi xếp, ghép được các hình mình thích.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- GV:** mô hình các hình để xếp, ghép.

**- HS:** vở BT Toán, bộ thực hành Toán, bút…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:** | |
| - Cho cả lớp hát  - GV dẫn dắt vào bài, ghi bảng | - Hs hát |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành:** | |
| **Bài 1 (T47):**  Từ 4 miếng bìa dưới đây, em hãy ghép thành mỗi hình sau:  - GV nêu yêu cầu  - GV đưa bài mẫu a), hướng dẫn HS thực hiện.  - Yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi với bộ đồ dùng học Toán  - GV theo dõi, giúp đỡ những HS chậm.  - GV cho các nhóm trình bày kết quả làm việc và cách làm của nhóm.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2 (T45)** Đúng ghi Đ, sai ghi S  - GV nêu yêu cầu  - GV đưa bài lần lượt các hình, cho học sinh lựa chọn Đ/S bằng thẻ từ .  - GV yêu cầu HS giải thích lý do chọn  - GV nhận xét, tuyên dương  - Yêu cầu HS làm bài vào vở BT.  - GV theo dõi, giúp đỡ những HS chậm. | - 1 HS nhắc lại yêu cầu  - HS theo dõi  - HS làm theo nhóm đôi.  - HS nhận xét  - 1 HS nhắc lại yêu cầu  - HS thực hiện  - HS chọn: a – S, b – Đ  - HS làm vào vở BT. |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:** | |
| **+ Trò chơi: “Chú bò tìm bạn”**  **Bài 3 (T48):** Em nối hai miếng bìa để ghép được 1 hình (hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông).  - Chia lớp thành các đội chơi.  - GV hướng dẫn cách chơi và luật chơi.  - Cho cả lớp chơi.  - GV nhận xét tuyên dương đội thắng.  **+ Dặn dò**: Về nhà chuẩn bị bài mới. | - 2 đội chơi: 1-7, 2-6, 3-10, 4-8, 5-9  - Lắng nghe, ghi nhớ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Tiếng Việt**

**LUYỆN VIẾT AN, ĂN, ÂN, ON, ÔN, ƠN**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các vần an, ăn, ân, on, ôn, ơn đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng. an,ăn, ân, on, ôn, ơn  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly: an,ăn, ân, on, ôn, ơn  Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Tiếng Việt**

**LUYỆN VIẾT EN, ÊN, IN, AM, ĂM, ÂM**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các vần en, ên, in, am, ăm, âm đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng. an,ăn, ân, on, ôn, ơn  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly en, ên, in, am, ăm, âm (mỗi chữ 1 dòng)  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**TƯ NHIÊN - XÃ HỘI**

**CHỦ ĐỀ 2: TRƯỜNG HỌC**

**BÀI 7: CÙNG KHÁM PHÁ TRƯỜNG HỌC (3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

+ Nói được tên địa chỉ trường mình

+ Xác định vị trí các phòng chức năng, một số khu vực khác nhau của nhà trường

+ Kể được một số thành viên trong trường và nói được nhiệm vụ của họ

+Kể được một số hoạt động chính ở trường, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động đó.

**2. Năng lực:**

**a.Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học:

+ Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học .  
- Giao tiếp và hợp tác: Biết giao tiếp, ứng xử phù hợp với vị trí, vai trò và các mối quan hệ của bản thân với các thành viên trong trường

**b. Năng lực đặc thù:**

**Năng lực nhận thức khoa học:**

**Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

+ Học sinh đặt được một số câu hỏi tìm hiểu về trường học, các thành viên và hoạt động trường học, các thành viên và hoạt động trường học.

+ Học sinh quan sát tranh ( SGK) trình bày ý kiến của mình về trường học, hoạt động trường học.

**Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:**

+ Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học .

+ Lựa chọn chơi những trò chơi an toàn khi ở trường.

**3. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ: Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học . Kính trọng thầy cô giáo và các thành viên trong nhà trường

- Trách nhiệm: Lựa chọn chơi những trò chơi an toàn khi ở trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: tranh ảnh, bảng phụ.

- HS: thẻ xanh đỏ

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **1.1 Khởi động**  - GV yêu cầu HS nhắc lại tên trường và địa chỉ trường học của mình, sau đó dẫn dắt vào nội dung tiết học mới.  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1.Hoạt động khám phá:**  - GV tổ chức và hướng dẫn HS lần lượt quan sát các hình trong SGK, đưa ra một số câu hỏi gợi ý để HS thảo luận, nhận biết nội dung của hình.  C:\Users\HANG\Desktop\bai 7 tiet 2.jpg  Từ đó HS kể được một số thành viên trong trường và công việc của họ: Cô giáo – dạy học; HS – học tập; cô thủ thư – quản lý thư viện, …  - Khuyến khích để các em kể về những thành viên khác trong trường và bày tỏ tình cảm của mình với các thành viên đó  Yêu cầu cần đạt: HS kể được một số thành viên trong nhà trường và nói được công việc của họ đồng thời biết bày tỏ cảm xúc của mình.  **3. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp đôi và nói với nhau về người mà em yêu quý nhất ở trường và lí do vì sao.  C:\Users\HANG\Desktop\tranh 33.jpg  - GV khuyến khích, động viên HS.  Yêu cầu cần đạt: HS biết được các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ, biết cách thể hiện cảm xúc đối với thành viên mà mình yêu quý.  **4. Hoạt động Vận dụng:**  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, thảo luận với nhau từng nội dung tình huống trong SGK và nhận xét được việc nên làm và không nên làm, từ đó từng em sẽ đưa ra ý kiến của mình:  + Nếu là em, em sẽ làm gì trong những tình huống đó. Nhóm sẽ tập hợp lại tất cả ý kiến của các thành viên trong nhóm.  - GV gọi đại diện nhóm phát biểu ý kiến của mình, sau đó GV nhận xét, đánh giá.  - GV tổng kết lại: Các em phải biết kính trọng, biết ơn thầy cô và các thành viên khác trong trường học  Yêu cầu cần đạt: HS biết cách ứng xử phù hợp trong những tình huống xảy ra ở trường học; kính trọng, biết ơn thầy cô và các thành viên khác trong trường học.  **4. Đánh giá:**  HS tôn trọng, yêu quý và biết cách ứng xử với thầy cô, bạn bè và các thành viên khác trong nhà trường.  **5. Hướng dẫn về nhà:**  Kể cho bố mẹ, anh chị nghe về tình huống ứng xử của em với một số thành viên trong nhà trường.  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | - HS nhắc lại  Tên của trường em là trường tiểu học Đông Hiền thuộc xã Phong Hiền, huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế  - HS quan sát tranh, thảo luận và trả lời câu hỏi  - Đại diện nhóm trình bày  HS nhận xét, bổ sung  HS kể  - Các thành viên trong nhà trường gồm có thầy cô giáo, học sinh, chú bảo vệ....  - Thầy cô giáo trực tiếp dạy cho các em học  - Cô y tá cấp phát thuốc cho các em mỗi khi các em đau ốm  - Cô thư viện cho các em mượn và đọc sách.  - Em rất yêu quý các thành viên trong trường  - HS làm việc theo nhóm đôi  Tranh 1: Hai bạn giúp cô lao công lượm rác ở sân trường.  Hai bạn lễ phép chào bác bảo vệ  Em đồng tình với tình huống ở hai tranh trên  Tranh 3: bạn nữ chen nhau để lấy thức ăn là không nên mà phải xếp hàng, giữ trật tự...  Em sẽ làm như hai bạn trong tranh 1 và 2  Em sẽ khuyên bạn trong tranh 3 là hãy trật tự, phải xếp hàng để lấy thức ăn chứ.  Đại diện nhóm trình bày  HS nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe và thực hiện khi về nhà  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại nội dung bài học  - Học sinh lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



*Thứ sáu ngày 27 tháng 10 năm 2023*

**Toán**

**BÀI 8:THỰC HÀNH LẮP GHÉP, XẾP HÌNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học:

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài .

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

**+** Rèn trí tưởng tượng không gian, biết phân tích tổng hợp khi xếp, ghép các hình

- Lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. \

**2. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn .

- Trung thực: Tự đánh giá mình , nhận xét bạn việc thực hiện lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Sách vở, bảng con, màn hình máy tính

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **TIẾT 2** | |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài  **2. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **Luyện tập**  **Bài 1: Cắt ghép hình**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - Hướng dẫn HS ghép hình như SGK  - GV mời HS thực hiện ghép trước lớp  8  8  - GV cùng HS nhận xét  **Bài 2: Ghép hình**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV cho HS quan sát tổng thể hình dạng của 8 miếng bìa và mẫu ghép hình 3 với hình B, lựa chọn mỗi miếng bìa ở cột thứ nhất với một tấm bìa thích hợp ở cột thứ hai để ghép được các hình tròn, hình vuông, hình tam giác hoặc hình chữ nhật.  - GV mời HS lên bảng thực hiện.  8  - GV cùng HS nhận xét  **3. Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Hát  - Lắng nghe  -HS theo dõi  -HS thực hiện ghép  - HS nhận xét bạn  - Lắng nghe  - Quan sát, tìm và ghép hình.  - Nêu kết quả:  Ghép hình 1 với hình C  Ghép hình 2 với hình A  Ghép hình 4 với hình D  - HS lên bảng thực hiện  - HS nhận xét bạn  - Nhận diện được các hình, ghép tạo hình. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Tiếng Việt (Ôn)**

**en ên in un**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *en, ên, in, un;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *en, ên, in, un;*

- Viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *en, ên, in, un.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *en, ên, in, un* có trong bài học.

- Phát triển kĩ năng quan sát tranh, nhận biết nhân vật, sự việc

- HS yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tranh, ảnh/ 32.

- HS: VBT, bảng con.

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **Khởi động( 7’)** | |
| 1. **Khởi động**: HS hát 2. **Bài cũ:**  * GV đọc cho HS viết on ,ôn, ơn      * GV nhận xét, tuyên dương | * HS hát * HS viết bảng con * HS đọc * HS nhận xét |
| **Luyện tập ( 25’)** | |
| GV yêu cầu HS mở VBT Tiếng Việt 1  **Bài 1/ 32**   * GV đọc yêu cầu   GV hướng dẫn HS quan sát đọc tiếng ở cột A và tiếng ở cột B   * GV gợi ý: Tiếng “dế” sẽ nối với tiếng nào bên cột B? * GV yêu cầu HS Làm việc cá nhân: nối * Tổ chức chia sẻ bài làm * YCHS nhận xét bài bạn * GV nhận xét, tuyên dương   **Bài 2/ 32**   * GV đọc yêu cầu * GV chiếu ảnh 1 trên màn hình:   GV gợi ý: *Em thấy đây là hạt gì trong tranh?*  Vậy vần cần điền vào chổ chấm là vần gì?   * YCHS đọc lại từ cần điền * GV tổ chức tương tự cho các hình tiếp theo: *lúa chín, kền kền, đĩa bún* * GV yêu cầu HS điền các từ vào chỗ chấm. * YC HS đổi bài kiểm tra bạn * GVYC HS đọc lại các từ vừa điền vần * GV nhận xét tuyên dương.   **Bài 3/32**   * GV đọc yêu cầu * GV cho HS đọc lại các tiếng trong khung * GV cho HS đọc lại các tiếng có trong bài và tìm tiếng có vần *ên, en, un*   Yêu cầu HS làm việc cá nhân   * HS làm việc cá nhân * YC HS chia sẻ bài làm * YC HS nhận xét bài bạn * GV nhận xét HS, tuyên dương. | **Bài 1:**   * HS lắng nghe và thực hiện * HS đọc tiếng ở cột A và cột B * HS trả lời: tiếng “ mèn” * HS nối * 2 -3 bạn đọc các từ nối được * HS nhận xét bài bạn   **Bài 2:**   * HS lắng nghe và thực hiện * HS quan sát và trả lời: * Hình 1: *đỗ đen* * Vần *en* * HS đọc: *đỗ đen* * HS điền từ vào chỗ chấm * HS đổi bài, kiểm tra * HS điền và đọc lại từ (cá nhân, đồng thanh) * HS nhận xét   **Bài 3:**   * HS lắng nghe và thực hiện * HS đọc: *bến đò, đỗ đen, mưa phùn* * HS tìm: *bến ,đen, phùn* * HS thực hiện vào vở   Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chổ trống:   1. Mẹ mua chè đỗ đen 2. Bà ra bến đò về quê  * 2 -3 HS đọc câu hoàn chỉnh * Nhận xét bài bạn |
| **Vận dụng (3’)** | |
| **4. Củng cố, dặn dò:**  - GV cho HS đọc, viết lại âm *en, ên, in, un* vào bảng con và đọc lại.  - Dặn HS về nhà học bài, hoàn thiện các BT chưa hoàn thành vào VBT, chuẩn bị bài tiếp theo.  - Nhận xét, tuyên dương HS. | * HS lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Tiếng Việt**

**Bài 35: Ôn tập và kể chuyện**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

+ HS nắm vững cách đọc các vần *an, ăn, ân, on, ôn, ơn, en, ên, in, un, am, ăm, âm* cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *an, ăn, ân, on, ôn, ơn, en, ên, in, un, am, ăm, âm;* hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Bình tĩnh xử sự giống như chú rùa trong đoạn văn Thỏ và rùa.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực ngôn ngữ:

+ HS phát triển kĩ năng viết thông qua viết câu có chứa một số âm - vần đã học.

+ HS phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe và kể câu chuyện *Gà nâu và vịt xám,* trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện.

**3. Phẩm chất:**

Nhân ái : Thông qua câu chuyện kể rèn cho HS ý thức trân trọng tình bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính

- Sgk, vở Bt

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - HS viết on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm  **2. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **2.1 Đọc vần, từ ngữ**  **a. Đọc vần:**  - GV yêu cầu HS ghép vần  **b. Đọc từ ngữ:**  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cá nhân, nhóm), đọc đóng thanh (cả lớp).  **2.2. Đọc đoạn:**  - GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn; tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đống thanh theo GV.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  + Khi nhìn thấy rùa, thỏ đã nói gì?  + Thái độ của rùa ra sao khi bị thỏ chế?  + Câu nào cho thấy rùa có gắng để thi cùng thỏ?  + Kết quả cuộc thi thế nào?  + Em học được điều gì từ nhân vật rùa?  -GV và HS thống nhất cầu trả lời.  **2.3. Viết**  - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái.  - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS. | -Hs viết  -Hs ghép và đánh vần cá nhân, cả lớp   |  | n | m | | --- | --- | --- | | a | an | am | | ă | ăn | ăm | | â | ân | âm |  |  | n | | --- | --- | | o | on | | ô | ôn | | ơ | ơn |   - HS đọc: cá nhân, cả lớp  - HS đọc thầm tìm: nhỉn, chậm,ôn tồn,hớn,nhởn, cần mẫn, hơn hẳn.  -Hs lắng nghe  -HS: đọc cả đoạn cá nhân, dãy ,cả lớp theo GV  -HS: Thấy rủa, thỏ nói "Quả là chậm như rùa”  -HS:Khi bị thỏ chế, rùa vẫn ôn tồn, nhẹ nhàng, không tức giận.  -HS: . Câu nói cho thấy rủa rất có gắng: Thỏ nhòn nhơ múa ca, rủa cứ bò cấn mẫn.  -HS: Kết quả, rùa thắng cuộc.  -HS: . Bài học: không chủ quan, không coi thường người khác.  -Hs lắng nghe  -HS viết  -HS nhận xét  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

| **2.4. Kể chuyện**  a. Văn bản  GÀ NÂU VÀ VỊT XÁM  Gà nâu và vịt xám là đôi bạn thân. Hằng ngày, chủng riu rit vượt sông cạn để kiếm ăn. Một năm, nước lớn, vịt xả sang sông được nhưng gà nău thì đành chịu. Gà buồn rầu nói:  - Vịt xám ơi! Minh không biết bơi. Chết đói mất thôi!  Vịt an ủi gà:  - Cậu đừng lo, đã có mình rồi mà!  Thế là ngày ngày, vịt lầm lùi tìm thức ăn mang về phần bạn. Biết vịt chăm lo cho mình, gà cảm động lắm. Nhưng vốn ngại làm phiến, gà bèn nhờ vịt công qua sông để tự kiếm ăn. Cuộc sống của chúng yên ổn trở lại. Thấy vịt bơi cả ngày, người rét run, gả liên bảo bạn:  - Cậu vất vả quả. Việc ấp trứng, cứ để minh làm cho  Vịt lưỡng lự nhưng rồi cũng đồng ý. Thời gian trôi đi, lâu dần, vịt không còn nhớ tới việc ấp trứng nữa  (Phỏng theo Truyện cố dân tộc Lô Lô)  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến vượt sông cạn để kiếm ăn. GV hỏi HS:  1. Đôi bạn thân trong câu chuyện là những ai?  2. Hằng ngày, đôi bạn gà nấu và vịt xám làm gi?  Đoạn 2: Từ Một năm đến có minh rồi mà, GV hỏi HS:  3. Chuyện gi xảy ra khiến gà nâu không thể sang sông?  4. Ai đã an ủi gà nâu lúc khó khăn  Đoạn 3: Từ Thế là đến yên ổn trở lại, GV hỏi HS:  5. Vịt đã giúp gà bằng cách nào?  6. Vì sao gà nhờ vịt cõng qua sông để tự kiếm ăn?  Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  7. Thương vịt vất vả, gà giúp bạn việc gì?  8. Vì sao vịt không còn nhớ đến việc ấp trứng?  - HS nhìn theo tranh để kể lại từng đoạn của câu chuyện. GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phủ hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **3. Củng cố**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kế cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện. Ở tất cả các bài, truyện kế khỏng nhất thiết phải đấy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cần nhớ một số chi tiết cơ bản và kế lại. | -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS: Gà nâu và vịt xám là đôi bạn thân.  -HS: Hằng ngày, chủng riu rit vượt sông cạn để kiếm ăn.  -HS: Minh không biết bơi. Chết đói mất thôi!  -HS: Vịt an ủi gà: - Cậu đừng lo, đã có mình rồi mà!  -HS: Thế là ngày ngày, vịt lầm lùi tìm thức ăn mang về phần bạn.  -HS: gà cảm động lắm. Nhưng vốn ngại làm phiến, gà bèn nhờ vịt cõng qua sông để tự kiếm ăn. Cuộc sống của chúng yên ổn trở lại.  HS: Thấy vịt bơi cả ngày, người rét run, gả liên bảo bạn: - Cậu vất vả quả. Việc ấp trứng, cứ để minh làm cho.  -HS: Vịt lưỡng lự nhưng rồi cũng đồng ý. Thời gian trôi đi, lâu dần, vịt không còn nhớ tới việc ấp trứng nữa.  -HS kể  -HS kể  -HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Hoạt động trải nghiệm**

**SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 8**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 2 **“Em biết yêu thương”**

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…
2. HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  \* Mục tiêu: HS biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.  \*Cách thức tiến hành:  - Lớp trưởng mời lần lượt các tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của tổ mình trong tuần qua.  + Lần lượt các Tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.  Sau báo cáo của mỗi tổ, các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.  - Lớp trưởng nhận xét chung tinh thần làm việc của các tổ trưởng và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà tổ trưởng đã báo cáo bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).  - Lớp trưởng tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở các cá nhân, nhóm, cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).  - Lớp trưởng mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phương pháp làm việc của ban cán sự lớp; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  + Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.  - Lớp trưởng : *Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.*  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  \* Mục tiêu: HS biết được cách lập kế hoạch trong tuần tiếp theo.  \*Cách thức tiến hành:  **-** Lớp trưởng yêu cầu các tổ trưởng dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến lập kế hoạch thực hiện.  - Các tổ thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới với nhiệm vụ phải thực hiện và mục tiêu phấn đấu đạt được trên tinh thần khắc phục những mặt yếu kém tuần qua và phát huy những lợi thế đạt được của tập thể lớp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban.  **3. Sinh hoạt theo chủ đề “Chúc mừng và học hỏi các bạn đạt danh hiệu Sao nhi đồng chăm ngoan của lớp”**  -GV yêu cầu HS xung phong kể xem đã thực hiện tốt các hành vi nào thể hiện sự yêu thương trong cuộc sống.  -GV yêu cầu các bạn lắng nghe và có thể hỏi lại.  -GV khích lệ các bạn nhút nhát, chưa tự tin tham gia chia sẻ.  -GV khen ngợi các em đã thực hiện tốt các hành vi yêu thương.  **ĐÁNH GIÁ**   1. **Cá nhân tự đánh giá**   -GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới đây:  - Tốt: Thực hiện được thường xuyên tất cả các yêu cầu sau:  +Nhận xét được những hành vi yêu thương và chưa yêu thương trong tình huống thể hiện qua tranh.  +Chia sẻ được cảm xúc sâu sắc khi thể hiện yêu thương và được yêu thương.  - Đạt: Nhận xét được những hành vi yêu thương và chưa yêu thương trong hai tranh hoạt động 5, chia sẻ được cảm xúc khi thể hiện yêu thương và được yêu thương nhưng chưa sâu sắc.  - Cần cố gắng: Nhận diện được hành vi yêu thương trong tranh 1, chưa nhận diện được biểu hiện chưa yêu thương trong tranh 2 ở hoạt động 5; Chưa chia sẻ được  cảm xúc khi thể hiện yêu thương và được yêu thương.  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  -GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  + Có sáng tạo trong thực hành hay không.  + Thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm,.. hay không,  **c) Đánh giá chung của GV**  - GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **4.Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS hát một số bài hát.  - Các tổ trưởng nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của tổ.  - Lớp trưởng nhận xét chung cả lớp.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - Các tổ thực hiện theo.  - Các tổ thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.  - Cả lớp hát đồng thanh.  - Tổ trưởng lên báo cáo. Cả lớp lắng nghe, thảo luận trao đổi ý kiến và thống nhất phương án thực hiện.  - HS lắng nghe.  -HS lắng nghe và vỗ tay đồng ý.  -HS lắng nghe.  - Lớp trưởng cho cả lớp hát một bài trước khi các tổ báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lần lượt các Tổ trưởng báo cáo kế hoạch tuần tới.  Sau mỗi tổ báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - Lớp trưởng: Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các tổ.  *Các bạn đã nắm được kế hoạch tuần tới chưa?* (Cả lớp trả lời)  - Lớp trưởng: *Chúng ta sẽ cùng nhau cố gắng thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý cho 1 tràng pháo tay.*  - Lớp trưởng: *mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến*.  - HS tự đánh giá theo các mức độ  - HS đánh giá lẫn nhau về các nội dung  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**CHỦ ĐỀ 3: ĐẤT NƯỚC VÀ CỘNG ĐỒNG**

**Nơi em sống cùng mọi người như một gia đình lớn**

**Bổn phận của em đối với đất nước và cộng đồng**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Về năng lực:**

***1.1Năng lực chung*:**

Biết tự học và giao tiếp, hợp tác với bạn

***1.2 Năng lực đặc thù****:*

Hiểu đất nước và cộng đồng là nơi em sống cùng mọi người và một số hoạt động chính của cộng đồng.

**2. Về phẩm chất:**

Có tình cảm yêu thích mảnh đất và cộng đồng nơi em sinh sống .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-Tranh ảnh về các hoạt động ở bệnh viện, công viên, trường học .

- Giấy, bút vẽ .

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

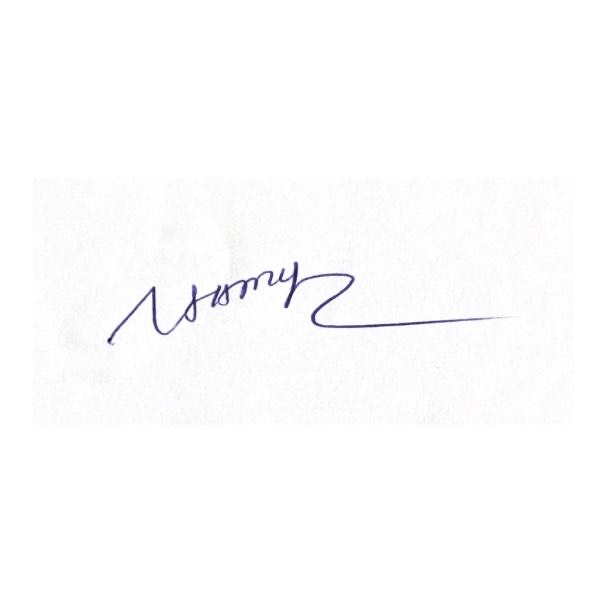
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Kiểm tra - Khởi động(5’)**  + Các bạn nhỏ sống trong các gia đình khác nhau nhưng cùng chung một gia đình lớn .  +Các em có quyền và bổn phận như thế nào với đất nước, cộng đồng mình sinh sống .  **2. Bài mới :**  **Hoạt động 1**(10’):  **Quan sát tranh**  - Tranh 1: Bác sĩ đang khám bệnh cho em bé (quyền được chăm sóc) .  - Tranh 2: Em bé đang ngồi cầu bập bênh trong công viên (quyền được vui chơi) .  - Tranh 3 : Các em HS đang chơi trong sân trường trước cửa lớp 1B (quyền được đi học) .  + Tất cả các hoạt động của cộng đồng giúp các em được chăm sóc, học tập vui chơi, giải trí .  **Hoạt động 2(10’): Hái hoa .**  Khi đói bụng các em thường làm gì để no bụng  Ai là người làm ra lúa gạo ?  Ai làm bàn ghế, sách vở cho các em học ?  Các chú bộ đội làm gì ?  Các thầy cô giáo làm gì ?  + Các em có quyền được chăm sóc để lớn lên trở thành người có ích cho Xã hội .  **Hoạt động 3(10’):**  - GV giới thiệu về các bức tranh đã được chuẩn bị trước   * Nhận xét và nhắc lại quyền trẻ em được vui chơi được học tâp.Do vậy phải tôn trọng, lễ phép mọi người . | Hát : Bốn phương trời ta về đây chung vui .    - Quan sát tranh thảo luận .  - Quan sát tranh thảo luận  - Quan sát tranh thảo luận  - Ăn cơm  - Các chú, các bác nông dân  - Thợ mộc, nông dân  - Chiến đấu chống giặc  - Dạy học  + Học sinh vẽ  - Giới thiệu tranh vẽ của mình . |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |

Đã duyệt 20/10/2023

Tổ trưởng



Võ Thị Mỹ